

THÔNG BÁO

Đôn đốc, rà soát sinh viên nộp học phí học kỳ 1 năm học 2018-2019

Triển khai kế hoạch đào tạo học kỳ 1 năm học 2018-2019, tính đến ngày 29/10/2018, 184 sinh viên còn tồn đọng học phí từ các học kỳ trước (không tính học phí đã đóng trong học kỳ 1 năm học 2018-2019; danh sách gửi kèm). Đề nghị các Khoa chuyên môn, Phòng CT HSSV, Phòng Đào tạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Khoa chuyên môn

Trường Khoa chỉ đạo Chủ nhiệm lớp liên hệ với gia đình, thông báo tình hình nợ học phí còn tồn đọng của sinh viên và đôn đốc sinh viên hoàn thành học phí theo quy định.

Trường hợp sinh viên không thể hoàn thành học phí trong đợt 2 theo kế hoạch của Nhà trường, đề nghị Khoa chuyên môn cho sinh viên làm cam kết có xác nhận của gia đình, trong đó ghi rõ thời hạn hoàn thành học phí. Chậm nhất trước 17 giờ ngày 23/11/2018, Khoa chuyên môn tổng hợp kết quả; ghi chú vào danh sách gửi kèm và gửi cho đồng chí Hòa – Phòng Đào tạo theo email daohoa@tnut.edu.vn để tổng hợp, báo cáo.

2. Phòng CT SHSV

Phòng CT HSSV phối hợp với Phòng Đào tạo rà soát chuẩn hóa sinh viên; chế độ, chính sách liên quan tới sinh viên trong hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

3. Phòng Đào tạo

Phòng Đào tạo thực hiện cầm đăng ký khối lượng của những sinh viên không hoàn thành học phí trong đợt đăng ký khối lượng học tập học kỳ 2 năm học 2018-2019.

Đề nghị Khoa chuyên môn, Phòng CT HSSV, Phòng Đào tạo thực hiện theo đúng nội dung thông báo.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận

- BGH (để b/c);
- Ban chủ nhiệm các khoa;
- Website ĐT
- Lưu VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. TRẦN XUÂN MINH

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN

DANH SÁCH SINH VIÊN NƠ HỌC PHÍ

Tính đến học kỳ 1 năm 2018-2019

STT	MSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Nợ cũ	HP học kỳ	Miễn giảm	PHK phải nộp	Đã đóng	Còn nợ	Khoa	Ghi chú
1	DTK1051020256	Phạm Văn	Dưỡng	111110421	12.786.176	580.000	0	580.000	0	13.366.176	Điện	
2	DTK0951020605	Đoàn Văn	Linh	111111411	4.616.476	2.320.000	0	2.320.000	0	6.936.476	Điện	
3	DTK0951020757	Trịnh Thanh	Phong	111111421	1.590.000	870.000	0	870.000	0	2.460.000	Điện	
4	DTK1051020644	Đinh Quang	Lê	111111441	1.245.500	783.000	0	783.000	0	2.028.500	Điện	
5	K125520201044	Đinh Văn	Sơn	111112431	16.263.000	4.640.000	0	4.640.000	0	20.903.000	Điện	
6	K125520201179	Hoàng Xuân	Hùng	111112441	1.759.178	3.770.000	0	3.770.000	0	5.529.178	Điện	
7	K125520216204	Vũ Việt	Tùng	111113414	2.649.742	5.220.000	0	5.220.000	0	7.869.742	Điện	
8	K135520216306	Nguyễn Đăng	Giang	111113414	5.620.057	3.770.000	0	3.770.000	0	9.390.057	Điện	
9	K135520201094	Lư Huy	Hoàng	111113421	1.325.000	1.160.000	0	1.160.000	0	2.485.000	Điện	
10	K125520201009	Trần Văn	Anh	111113431	2.120.000	870.000	0	870.000	0	2.990.000	Điện	
11	K135520201009	Nguyễn Duy	Dương	111113431	2.650.000	3.190.000	0	3.190.000	0	5.840.000	Điện	
12	K135520201091	Hoàng Mạnh	Hưng	111113432	3.169.397	4.640.000	0	4.640.000	0	7.809.397	Điện	
13	K135520201098	Dương Văn	Linh	111113432	2.120.000	4.640.000	0	4.640.000	0	6.760.000	Điện	
14	K145520216087	Trương Văn	Hùng	111114412	3.524.500	3.480.000	0	3.480.000	0	7.004.500	Điện	
15	K145520216174	Nguyễn Thành	Nhân	111114413	1.325.000	2.262.000	0	2.262.000	0	3.587.000	Điện	
16	K145520201038	Lưu Văn	Liên	111114431	1.585.000	6.090.000	0	6.090.000	0	7.675.000	Điện	
17	K145520201115	Phùng Văn	Huỳnh	111114432	10.707.500	7.540.000	4.582.000	2.958.000	0	13.665.500	Điện	
18	K145520201132	Nguy Văn	Phước	111114432	1.618.159	3.480.000	0	3.480.000	1.500.000	3.598.159	Điện	
19	K145520201230	Đặng Anh	Tuấn	111114432	1.855.000	5.800.000	0	5.800.000	0	7.655.000	Điện	
20	K145520201245	Lê Công Hoàng	Vũ	111114432	2.350.000	5.220.000	0	5.220.000	0	7.570.000	Điện	
21	K155520216107	Phan Thị	Ngọc	111115412	6.650.000	1.060.000	0	1.060.000	0	7.710.000	Điện	
22	K155520216278	Nguyễn Văn	Dương	111115412	4.230.750	4.505.000	0	4.505.000	0	8.735.750	Điện	
23	K155520103324	Vũ Đình	Việt	111115413	1.141.250	5.035.000	0	5.035.000	3.658.750	2.517.500	Điện	
24	K155520216179	Thần Duy	Sơn	111115413	7.125.000	2.915.000	0	2.915.000	0	10.040.000	Điện	
25	K155520216285	Vũ Thế	Khuê	111115413	3.027.500	2.915.000	0	2.915.000	3.800.000	2.142.500	Điện	
26	K155520216293	Nguyễn Hữu	Sơn	111115413	1.762.500	3.975.000	0	3.975.000	0	5.737.500	Điện	
27	K155520216208	Phạm Văn	Đại	111115414	3.436.250	5.035.000	0	5.035.000	5.953.750	2.517.500	Điện	
28	K155520216222	Chu Văn	Hòa	111115414	1.103.737	4.240.000	2.385.000	1.855.000	0	2.958.737	Điện	
29	K155520201019	Đinh Thị Phương	Hoa	111115421	6.387.500	2.915.000	0	2.915.000	0	9.302.500	Điện	
30	K155520201008	Nông Văn	Điền	111115431	2.878.750	4.505.000	0	4.505.000	5.131.250	2.252.500	Điện	
31	K155520201243	Đinh Tuấn	Anh	111115431	2.300.892	3.180.000	0	3.180.000	0	5.480.892	Điện	
32	K155520201141	Nguyễn Duy	Hoàng	111115432	5.605.000	3.445.000	0	3.445.000	5.700.000	3.350.000	Điện	
33	K155520201206	Hoàng Việt	Huy	111115432	1.470.000	5.035.000	0	5.035.000	0	6.505.000	Điện	

STT	MSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Nợ cũ	HP học kỳMiễn giảmPHK phải nợ	Đã đóng	Còn nợ	Khoá	Ghi chú
34	K165520216034	Lộc Lưu Thanh	Long	111116411	2.656.500	3.180.000	0	5.836.500	Điện	
35	K165520216096	Nguyễn Đức	Nam	111116412	1.270.000	5.300.000	0	6.570.000	Điện	
36	K165520216128	Trần Ngọc	Dân	111116413	1.622.500	5.565.000	0	5.587.500	Điện	
37	K165520216187	Nguyễn Huy	Du	111116414	1.085.000	3.975.000	0	5.060.000	Điện	
38	K165520216207	Lê Hoàng Trung	Kiên	111116414	1.180.000	2.915.000	0	4.095.000	Điện	
39	K165905228010	Đào Văn	Hưng	111116421	1.450.000	5.035.000	0	6.485.000	Điện	
40	K165520201079	Vũ Quốc	Đạt	111116432	1.865.375	3.710.000	0	5.575.375	Điện	
41	K175520216263	Đào Đức	Anh	111117414	7.525.000	5.040.000	0	12.565.000	Điện	
42	K175520216265	Nguyễn Đình	An	111117414	2.425.000	5.760.000	0	8.185.000	Điện	
43	K175520201222	Nguyễn Thanh	Tùng	111117421	1.505.000	4.505.000	0	6.010.000	Điện	
44	K175520201225	Đoàn Văn	Khởi	111117432	6.675.000	2.640.000	0	9.315.000	Điện	
45	K175520201187	Đình Trọng	Lực	111117433	3.490.000	4.080.000	0	7.570.000	Điện	
46	K175520201146	Nguyễn Đức	Anh	111117441	2.845.000	3.360.000	0	3.305.000	Điện	
47	DTK0951030359	Vi Hồng	Quân	111110542	13.505.792	1.450.000	0	1.955.792	Điện tử	
48	DTK1151030234	Lê Đăng	Hồng	111111522	4.296.981	3.770.000	0	8.066.981	Điện tử	
49	K125520207048	Dương Văn	Bảo	1111112511	3.404.841	2.610.000	0	2.514.841	Điện tử	
50	DTK1151030284	Vũ Trung	Đức	1111112531	5.035.000	580.000	0	5.615.000	Điện tử	
51	K125520216141	Hoàng Văn	Mùi	1111112541	7.417.809	4.350.000	0	11.767.809	Điện tử	
52	K135520207009	Trần Văn	Giang	1111113511	2.850.000	3.480.000	0	6.330.000	Điện tử	
53	DTK1051030407	Vũ Văn	Ngọc	1111113521	1.325.000	4.060.000	0	5.385.000	Điện tử	
54	DTK1151030111	Hoàng Xuân	Trọng	1111113521	1.855.000	3.770.000	0	5.625.000	Điện tử	
55	K125520207069	Trần Văn	Huy	1111113521	10.661.357	5.510.000	0	16.171.357	Điện tử	
56	K125520207114	Bùi Hùng	Anh	1111113521	20.711.320	3.480.000	0	24.191.320	Điện tử	
57	K135520207122	Bùi Quang	Quyết	1111113521	1.764.678	3.480.000	0	3.444.678	Điện tử	
58	K135520214039	Trần Văn	Long	1111113531	1.590.000	870.000	0	2.460.000	Điện tử	
59	K145520114028	Nguyễn Hoài	Linh	1111114541	2.120.000	2.320.000	0	4.440.000	Điện tử	
60	K145520216099	Nguyễn Bảo	Lâm	1111114541	2.885.000	5.510.000	0	8.395.000	Điện tử	
61	K145520216212	Trần Văn	Hưng	1111114541	1.309.296	5.510.000	0	6.819.296	Điện tử	
62	K145520216221	Lê Việt	Thái	1111114541	4.319.500	4.060.000	0	8.379.500	Điện tử	
63	K155520114003	Nguyễn Minh	Chiến	1111115131	1.312.500	3.710.000	0	4.022.500	Điện tử	
64	K155520207008	Phùng Văn	Đại	1111115521	4.275.000	2.385.000	0	6.660.000	Điện tử	
65	K155520216087	Nguyễn Ngọc	Hải	1111115541	3.071.250	3.445.000	0	6.516.250	Điện tử	
66	K155520216307	Trần Xuân	Bách	1111115541	1.675.960	5.194.000	0	6.869.960	Điện tử	
67	K165520114134	Lâm Văn	Thiện	111116132	2.957.500	6.360.000	0	9.317.500	Điện tử	
68	K175520114009	Ma Tiến	Điệp	111117131	3.060.000	2.880.000	0	3.060.000	Điện tử	
69	K175520114012	Mai Công	Đứng	111117131	4.760.000	3.600.000	0	8.360.000	Điện tử	
70	K175520114052	Dương Văn	Thịnh	111117131	3.450.000	3.120.000	0	6.570.000	Điện tử	
71	K175520114211	Đặng Văn	Khang	111117132	3.060.000	5.280.000	0	2.640.000	Điện tử	
72	K175520114175	Lương Văn	Quý	111117133	3.060.000	5.280.000	0	8.340.000	Điện tử	
73	K175520214003	Nguyễn Văn	Công	111117531	1.480.000	2.640.000	0	4.120.000	Điện tử	
74	K175520216123	Dương Thái	Bình	111117541	5.610.000	3.600.000	0	9.210.000	Điện tử	

STT	MSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Nợ cũ	HP học	Kiểm	giảm	PHK	phải	nợ	Đã	đóng	Còn	nợ	Điện	tử	Khoa	Ghi	chú
75	K175520216162	Phạm Duy	Quang	111117541	3.275.000	3.840.000		0	3.840.000			0	7.115.000			Điện	tử			
76	K175520207042	Phùng Đại	Nghĩa	111117571	4.770.000	3.600.000		0	3.600.000			0	8.370.000			Điện	tử			
77	11110710564	Nguyễn Văn	Nguyễn	111107115	2.884.080	870.000		0	870.000			0	3.754.080			Cơ	khí			
78	DTK1051010783	Vĩ Văn	Théo	111110111	6.861.120	2.030.000		0	2.030.000			0	8.891.120			Cơ	khí			
79	DTK1051010147	Dương Văn	Tiến	111110112	2.475.952	3.770.000		0	3.770.000			0	6.245.952			Cơ	khí			
80	DTK1051010047	Đặng Hoàng	Nhật	111110113	15.910.000	2.610.000		0	2.610.000			0	18.520.000			Cơ	khí			
81	DTK1051010600	Hoàng Vũ Mạnh	Linh	111110114	1.855.000	4.930.000		0	4.930.000			0	6.785.000			Cơ	khí			
82	DTK1051010452	Bùi Quang	Quyển	111110116	1.363.520	580.000		0	580.000			0	1.943.520			Cơ	khí			
83	DTK1051010491	Nguyễn Văn	Chiến	111111112	6.540.000	1.740.000		0	1.740.000			0	8.280.000			Cơ	khí			
84	DTK1051010530	Nguyễn Thanh	Quân	111111112	7.155.000	3.770.000		0	3.770.000			0	10.925.000			Cơ	khí			
85	DTK1151010653	Trần Văn	Vũ	111111112	5.515.000	290.000		0	290.000			0	5.805.000			Cơ	khí			
86	DTK1151010224	Nguyễn Dương T	Anh	111111151	1.243.969	3.480.000		0	3.480.000			0	4.723.969			Cơ	khí			
87	DTK1151010548	Phạm Văn	Điều	111111151	2.864.500	2.030.000		0	2.030.000			0	4.894.500			Cơ	khí			
88	K125520103212	Trần Ngọc	Sơn	111112111	9.812.000	580.000		0	580.000			0	10.392.000			Cơ	khí			
89	K125520103098	Dương Văn	Sơn	111112151	1.534.242	725.000		0	725.000			0	2.259.242			Cơ	khí			
90	K125520103220	Phạm Thanh	Tùng	111112151	19.909.312	6.090.000		0	6.090.000			0	25.999.312			Cơ	khí			
91	K125520103202	Nguyễn Hoàng	Lưu	111112171	2.604.265	5.800.000		0	5.800.000			0	8.404.265			Cơ	khí			
92	K135520103058	Nguyễn Thanh	Tùng	111113111	6.134.500	5.220.000		0	5.220.000			0	11.354.500			Cơ	khí			
93	K135520103086	Nguyễn Văn	Đạt	111113111	1.325.000	2.030.000		0	2.030.000			0	3.355.000			Cơ	khí			
94	K135520103117	Nguyễn Hoàng	Nghien	111113112	13.270.000	3.770.000		0	3.770.000			0	17.040.000			Cơ	khí			
95	K135520103160	Nguyễn Hồng	Dương	111113112	9.720.000	3.480.000		0	3.480.000			0	13.200.000			Cơ	khí			
96	K135520103320	Đỗ Văn	Huy	111113113	2.650.000	290.000		0	290.000			0	2.940.000			Cơ	khí			
97	K125520103405	Nguyễn Văn	Tiến	111113151	2.385.000	3.480.000		0	3.480.000			0	5.865.000			Cơ	khí			
98	K135520103065	Hoàng Minh	Trí	111113151	1.302.130	2.030.000		0	2.030.000			0	2.107.130			Cơ	khí			
99	K135520103390	Bùi Huy	Hùng	111113151	6.360.000	4.640.000		0	4.640.000			0	11.000.000			Cơ	khí			
100	K135520103493	Vũ Văn	Phúc	111113151	11.395.000	5.510.000		0	5.510.000			0	16.905.000			Cơ	khí			
101	K135520103157	Lê Hữu	Chiến	111113171	2.637.236	6.380.000		0	6.380.000			2.700.000	6.317.236			Cơ	khí			
102	K135520103408	Hoàng Doãn	Minh	111113171	1.378.000	3.944.000		0	3.944.000			0	5.322.000			Cơ	khí			
103	K145520103031	Hoàng Ngọc	Lân	111114111	1.625.973	3.480.000		0	3.480.000			0	5.105.973			Cơ	khí			
104	K145520103055	Nguyễn Thanh	Tùng	111114111	2.086.123	3.480.000		0	3.480.000			0	5.566.123			Cơ	khí			
105	K145520103065	Nguyễn Tuấn	Thành	111114111	1.590.000	3.480.000		0	3.480.000			0	5.070.000			Cơ	khí			
106	K145520103155	Nông Văn	Đoàn	111114113	7.685.000	3.480.000		0	3.480.000			0	11.165.000			Cơ	khí			
107	K145520103203	Hoàng Ngọc	Sơn	111114113	2.022.600	6.032.000		0	6.032.000			0	8.054.600			Cơ	khí			
108	K145520103214	Lê Minh	Tuấn	111114113	7.420.000	3.480.000		0	3.480.000			0	10.900.000			Cơ	khí			
109	K145520103217	Vũ Văn	Thái	111114113	6.360.000	3.480.000		0	3.480.000			0	9.840.000			Cơ	khí			
110	K145520103235	Dương Thành	Công	111114114	2.385.000	3.480.000		0	3.480.000			0	5.865.000			Cơ	khí			
111	K145520103400	Phạm Ngọc	Công	111114115	1.325.000	4.640.000		0	4.640.000			0	5.965.000			Cơ	khí			
112	K145520309021	Phạm Quang	Trường	111114161	1.896.000	5.220.000		0	5.220.000			0	7.116.000			Cơ	khí			
113	K145520309028	Lê Minh	Mạnh	111114161	2.977.499	4.930.000		0	4.930.000			0	7.907.499			Cơ	khí			
114	K155520103055	Đào Văn	Thành	111115111	1.120.000	4.505.000		0	4.505.000			0	5.625.000			Cơ	khí			
115	K155520103189	Ngô Đức	Quân	111115113	1.322.500	3.975.000		0	3.975.000			0	5.297.500			Cơ	khí			

STT	MSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Nợ cũ	HP học	Kiểm	giảm	PHK	phải	nợ	Đã	đóng	Còn	nợ	Khoa	Ghi	chú
116	K155520103227	Trần Văn	Dũng	111115114	3.600.000	4.240.000		0	4.240.000		0		0	7.840.000	Cơ khí			
117	K165520103020	Chu Bá	Hoàng	111116111	7.125.000	3.180.000		0	3.180.000		0		0	10.305.000	Cơ khí			
118	K165520103028	Đinh Văn	Kiều	111116111	4.637.500	3.180.000		0	3.180.000		0		0	7.817.500	Cơ khí			
119	K165520103066	Thiều Minh	Anh	111116112	4.672.500	3.180.000		0	3.180.000		0		0	7.852.500	Cơ khí			
120	K165520103095	Bùi Duy Khánh	Linh	111116112	4.980.000	2.915.000		0	2.915.000		0		0	7.895.000	Cơ khí			
121	K165520103149	Nguyễn Huy	Hoàng	111116113	7.875.000	3.180.000		0	3.180.000		0		0	11.055.000	Cơ khí			
122	K165520103153	Tô Quang	Huy	111116113	2.300.000	3.180.000		0	3.180.000		0		0	5.480.000	Cơ khí			
123	K165520103209	Đồng Văn	Hiếu	111116114	2.007.500	3.180.000		0	3.180.000		0		0	5.187.500	Cơ khí			
124	K175520103152	Trần Quang	Hải	111117101	3.275.000	4.800.000		0	4.800.000		0		0	8.075.000	Cơ khí			
125	K175520103202	Vũ Minh	Hiếu	111117102	1.435.000	2.880.000		0	2.880.000		0		0	4.315.000	Cơ khí			
126	K175520103114	Nguyễn Văn	Hùng	111117103	4.135.000	4.800.000		0	4.800.000		0		0	8.935.000	Cơ khí			
127	K175520103117	Trần Trung	Kiên	111117103	3.275.000	4.800.000		0	4.800.000		0		0	8.075.000	Cơ khí			
128	K175520103180	Lại Huy	Hoàng	111117103	3.275.000	2.880.000		0	2.880.000		0		0	6.155.000	Cơ khí			
129	K175520103184	Đinh Thị Ngọc	Anh	111117103	3.275.000	4.800.000		0	4.800.000		0		0	8.075.000	Cơ khí			
130	K175520103197	Nguyễn Tú	Anh	111117103	3.275.000	3.120.000		0	3.120.000		0		0	6.395.000	Cơ khí			
131	11511211001	Nguyễn Xuân	Bắc	115112111	1.840.000	2.900.000		0	2.900.000		0		0	4.740.000	Cơ khí			
132	11511717003	Nguyễn Trung	Hiếu	115117171	2.105.000	6.380.000		0	6.380.000		0		0	8.485.000	Cơ khí			
133	11511717004	Hoàng Trung	Hiếu	115117171	3.825.000	6.380.000		0	6.380.000		0		0	10.205.000	Cơ khí			
134	11511717008	Nguyễn Thanh	Hải	115117171	1.785.000	6.380.000		0	6.380.000		0		0	8.165.000	Cơ khí			
135	11511717010	Dương Sỹ	Hiển	115117171	1.785.000	6.380.000		0	6.380.000		0		0	8.165.000	Cơ khí			
136	11681711033	Nguyễn Tuấn	Sơn	116817111	6.525.000	4.837.500		0	4.837.500		0		0	11.362.500	Cơ khí			
137	DTK0851010552	Doãn Bá	Quý	111109141	5.179.080	3.770.000		0	3.770.000		0		0	8.949.080	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
138	DTK1151010003	Hoàng Long	An	111112141	4.770.000	3.190.000		0	3.190.000		0		0	7.960.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
139	K125520103228	Nguyễn Chí	Văn	111112141	30.104.722	4.350.000		0	4.350.000		0		0	34.454.722	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
140	K135520103205	Nguyễn Văn	Thời	111113141	5.195.000	5.220.000		0	5.220.000		0		0	10.415.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
141	K135520103301	Nguyễn Văn	Dân	111113141	1.325.000	2.030.000		0	2.030.000		0		0	3.355.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
142	DTK0951010529	Hoàng Tuấn	Vũ	112113171	5.565.000	1.740.000		0	1.740.000		0		0	7.305.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
143	DTK1051010069	Nguyễn Văn	Toàn	112113171	2.650.000	1.450.000		0	1.450.000		0		0	4.100.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
144	DTK1051010087	Phạm Hữu	Biên	112113171	2.385.000	2.610.000		0	2.610.000		0		0	4.995.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
145	DTK1051010648	Đặng Quốc	Cường	112113171	2.637.077	4.930.000		0	4.930.000		0		0	7.567.077	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
146	DTK1151010080	Nguyễn Cơ	Khoa	112113171	3.305.000	3.770.000		0	3.770.000		0		0	7.075.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
147	K135520103192	Thần Quang	Minh	112114171	1.325.000	580.000		0	580.000		0		0	1.905.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
148	K145510205066	Nguyễn Tuấn	Anh	112114171	2.120.000	2.030.000		0	2.030.000		0		2.120.000	2.030.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
149	K145510205071	Nguyễn Văn	Linh	112114171	1.325.000	2.030.000		0	2.030.000		0		0	3.355.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
150	K145510205078	Lê Kim	Hoàng	112114171	2.915.000	3.770.000		0	3.770.000		0		0	6.685.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
151	K145510205082	Lê Đại	Nghĩa	112114171	2.650.000	6.380.000		0	6.380.000		0		0	9.030.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
152	K155510205005	Nguyễn Văn	Bảo	112115171	2.590.000	6.960.000		0	6.960.000		0		0	9.550.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
153	K155510205018	Bùi Văn	Duy	112115171	2.295.000	6.670.000		0	6.670.000		0		0	8.965.000	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
154	K155510205037	Lê Hải	Nam	112115171	6.356.611	5.800.000		0	5.800.000		0		0	12.156.611	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
155	K155510205052	Nguyễn Mạnh	Toàn	112115171	3.260.015	5.365.000		0	5.365.000		0		0	8.625.015	Kỹ thuật Ôtô & MDL			
156	K155510205067	Thần Minh	Quang	112115171	1.644.720	6.873.000		0	6.873.000		0		0	8.517.720	Kỹ thuật Ôtô & MDL			

STT	MSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Nợ cũ	HP học kỳ	Miễn giảm	PHK phải nợ	Đã đóng	Còn nợ	Khoa	Ghi chú
157	K165510205023	Diệp Đình	Hùng	112116171	3.927.000	6.090.000	0	6.090.000	0	10.017.000	Kỹ thuật Ô tô & MDL	
158	K176520103003	Nguyễn Văn	Mạnh	116117141	3.800.000	5.830.000	0	5.830.000	0	9.630.000	Kỹ thuật Ô tô & MDL	
159	K176520103005	Nguyễn Đức	Thành	116117141	3.800.000	5.830.000	0	5.830.000	0	9.630.000	Kỹ thuật Ô tô & MDL	
160	K135140214044	Đặng Quốc	Kiến	111113621	2.061.000	1.740.000	0	1.740.000	0	3.801.000	Sư phạm Kỹ thuật	
161	K175140214001	Nguyễn Trà	My	111117601	8.170.000	4.800.000	4.800.000	0	0	8.170.000	Sư phạm Kỹ thuật	
162	K175140214002	Nguyễn Thị	Yến	111117601	7.525.000	3.360.000	3.360.000	0	0	7.525.000	Sư phạm Kỹ thuật	
163	DTK1151020453	Nguyễn Duy	Thanh	112113471	11.415.000	2.320.000	0	2.320.000	0	13.735.000	Sư phạm Kỹ thuật	
164	DTK0851040080	Nguyễn Huy	Hải	112113473	2.618.723	6.960.000	0	6.960.000	0	9.578.723	Sư phạm Kỹ thuật	
165	K145510202005	Bùi Hoàng	Hiệp	112114181	2.384.230	4.350.000	0	4.350.000	0	6.734.230	Sư phạm Kỹ thuật	
166	K145510202022	Nguyễn Văn	Thắng	112114181	1.300.000	2.030.000	0	2.030.000	0	3.330.000	Sư phạm Kỹ thuật	
167	K145510301052	Nguyễn Quý	Hoàng	112114471	2.120.000	2.030.000	0	2.030.000	0	2.350.000	Sư phạm Kỹ thuật	
168	K145510301054	Nguyễn Phương	Đồng	112114471	9.805.000	5.220.000	0	5.220.000	0	15.025.000	Sư phạm Kỹ thuật	
169	K145510301083	Nguyễn Văn	Hiệp	112114472	2.360.000	5.220.000	0	5.220.000	0	6.080.000	Sư phạm Kỹ thuật	
170	K145510301117	Nguyễn Đức	Việt	112114472	1.325.000	870.000	0	870.000	0	2.195.000	Sư phạm Kỹ thuật	
171	K145520103059	Lê Anh	Tuấn	112115471	10.335.200	3.480.000	0	3.480.000	0	13.815.200	Sư phạm Kỹ thuật	
172	K155510301061	Phan Thanh	Tùng	112115471	2.170.000	3.770.000	0	3.770.000	0	4.440.000	Sư phạm Kỹ thuật	
173	K165510202021	Trần Minh	Tú	112116181	1.530.000	5.220.000	0	5.220.000	0	6.750.000	Sư phạm Kỹ thuật	
174	K175510301010	Trần Thị	Hoan	112117651	2.845.000	5.280.000	0	5.280.000	0	2.640.000	Sư phạm Kỹ thuật	
175	K125580201006	Hà Bảo	Cường	111112201	8.692.420	1.450.000	0	1.450.000	0	10.142.420	Xây dựng và Môi trường	
176	K125580201015	Vũ Văn	Hải	111112201	3.180.000	3.480.000	0	3.480.000	0	6.660.000	Xây dựng và Môi trường	
177	K125580201030	Phạm Tùng	Lâm	111112201	2.650.000	2.900.000	0	2.900.000	0	5.550.000	Xây dựng và Môi trường	
178	K125520320002	Nguyễn Thanh	Đạt	111112301	2.650.000	6.380.000	0	6.380.000	0	9.030.000	Xây dựng và Môi trường	
179	K135580201012	Đào Huy	Đại	111113201	5.123.048	4.060.000	0	4.060.000	0	9.183.048	Xây dựng và Môi trường	
180	K135580201077	Trần Văn	Huy	111113202	2.120.000	2.030.000	0	2.030.000	0	2.150.000	Xây dựng và Môi trường	
181	K135520320065	Đinh Ngọc	Thủy	111113301	3.710.000	5.220.000	0	5.220.000	0	8.930.000	Xây dựng và Môi trường	
182	K145580201019	Hoàng Trung	Kiên	111114201	1.275.000	6.670.000	0	6.670.000	0	7.945.000	Xây dựng và Môi trường	
183	K155580201009	Trần Thanh	Luân	111115201	1.789.092	4.770.000	0	4.770.000	0	6.559.092	Xây dựng và Môi trường	
184	K175580201012	Trần Văn	Nam	111117201	3.275.000	4.800.000	0	4.800.000	0	8.075.000	Xây dựng và Môi trường	